TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2018
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quang Vũ;

2. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Thúc Mỹ, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế *tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, số 60 Nguyễn Huệ, thành phố Huế xét xử C khai vụ án thụ lý số: 278/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2017 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2017, Quyết định hoãn phiên toà số 815/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 09 LVH, phường TL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở: 39 NCT, phường TH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngô C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 09 LVH, phường TL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/4/2017, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày: Bà với ông Ngô C có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường TH, thành phố H vào ngày 17/10/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ chồng tại 09 LVH, phường TL, thành phố H. Cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C hay cờ bạc, rượu chè, về nhà gây gổ, cãi vã và đánh đập bà, ông C không có trách nhiệm với gia đình. Tính tình

ông C bình thường thì không sao, nhưng khi có uống rượu, bia thì tính tình cọc cằn, hung dữ. Mâu thuẫn xảy ra nhiều từ năm 2012 cho đến nay. Năm 2012 bà đã có đơn xin ly hôn, nhưng sau đó rút đơn để đoàn tụ vợ chồng nhưng ông C vẫn tiếp tục cờ bạc, rượu chè rồi đánh đập bà, không có trách nhiệm với vợ con. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 4/2017 bà đã về nhà bố mẹ ruột tại 39 Nguyễn Cư Trinh, phường Thuận Hòa để ở. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn ông C.

Về con chung: Bà với ông C có 02 người con chung là Ngô H, sinh ngày 07/8/2005 và Ngô H1, sinh ngày 29/6/2009. Hiện 2 cháu đang ở với bà. Nguyện vọng của bà xin được nuôi 2 con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay bà đang buôn bán giày dép tại chợ ĐB thu nhập hàng tháng khoảng 6 triệu đồng.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Ngô C trình bày: Ông với bà B có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TH, thành phố H vào ngày 17/10/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ của ông C tại 09 LVH, phường TL, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thỉnh thoảng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông làm thợ nề nên chủ nhà có mời nhậu, khi nhậu với bạn ở quán thì vợ có đến nói về nhưng nặng lời nên về nhà cũng có gây gổ, cãi vã và đanh bà B. Ông thừa nhận có hay xem bóng đá, cá độ với nhau bằng bia chia ra 2 phe để nhậu. Ông thừa nhận do tính chất C việc làm thợ nề nên hay nhậu nhẹt với chủ nhà và những người cùng làm. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay bà B xin ly hôn thì ông không đồng ý.

* Về con chung: Ông với bà B có 02 người con chung là Ngô H, sinh ngày 07/8/2005 và Ngô H1, sinh ngày 29/6/2009. Hiện 2 cháu đang ở với bà B. Nguyện vọng của ông xin được nuôi 2 con chung, không yêu cầu bà B cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện ông làm thợ nề thu nhập hàng tháng khoảng 8 triệu đồng.

* Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng của cháu Ngô H và Ngô H1 muốn được ở với bà B.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, trình tự thụ lý, thông báo thụ lý là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng pháp luật. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do là vi phạm theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho bà B được ly hôn ông C.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 2 cháu Ngô H và Ngô H1 cho bà B nuôi dưỡng cho đến khi 2 cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà B phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2017 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vào ngày 25/12/2017, tại phiên tòa ông Ngô C vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa tại Quyết định hoãn phiên tòa số 815/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2017. Sau khi mở phiên tòa bị hoãn thì Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình ông Ngô C, gia đình cho biết ông Ngô C đã đi làm ăn xa, không liên lạc gì với gia đình. Ông Ngô C đã biết Tòa án giải quyết vụ án nhưng đi làm ăn, thay đổi nơi cư trú không thông báo cho nguyên đơn và Tòa án biết, nên ông C đã cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ 2 lần Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa sơ thẩm, nên xét xử vắng mặt ông Ngô C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự, xác minh tại chính quyền địa phương, có căn cứ xác định: Bà Nguyễn Thị Ngọc B với ông Ngô C có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường TH, thành phố H vào ngày 17/10/2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ ông C tại 09 LVH, phường TL, thành phố H. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C hay rượu chè, về nhà gây gổ, cãi vã và đánh bà B. Năm 2012 bà B đã có làm đơn xin ly hôn ông C, nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, nay bà B lại tiếp tục xin ly hôn. Từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay bà B về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng đã sống ly thân. Tòa án đã 02 lần tổ chức hòa giải đoàn tụ vợ chồng, nhưng bà B một mực xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B, cho bà B được ly hôn ông C là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Bà B và ông C xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô H, sinh ngày 07/8/2005 và cháu Ngô H1, sinh ngày 29/6/2009, hiện nay 2 cháu đang ở với bà B. Nếu ly hôn thì nguyện vọng của bà B muốn được nuôi 2 cháu H và H1, không yêu cầu ông C cấp dưỡng tiền nuôi con chung; ông C cũng có yêu cầu được nuôi cả 2 cháu, không yêu cầu bà B cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy bà B và ông C đều có C ăn việc làm như nhau. Tuy nhiên hiện nay cháu H và H1 đang ở với bà B, nguyện vọng của 2 cháu muốn được ở với bà B.

Mặt khác, ông C hay uống rượu nên điều kiện để chăm sóc và lo các cháu học hành là không đáp ứng đủ điều kiện để các cháu phát triển về mọi mặt. Hiện tại ông C đi làm ăn xa, vắng mặt tại nơi cư trú. Vì vậy, cần giao cả 2 cháu H và H1 cho bà B nuôi dưỡng để các cháu có điều kiện phát triển về mọi mặt.

[4]. Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà B và ông C xác nhận không có và không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc B pH1 chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số: 002897 ngày 09/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, nay bà B không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc B, cho bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn ông Ngô C.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Ngô H, sinh ngày 07/8/2005 và cháu Ngô H1, sinh ngày 29/6/2009 cho bà Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà B không yêu cầu ông Ngô C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu nên Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc B pH1 chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số: 002897 ngày 09/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, nay bà B không phải nộp.

Án xử sơ thẩm xét xử C khai nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi Hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường TH, TP H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu dán án.